TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HSST
Ngày: 06-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hoa;

Bà Trần Thị Hạnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trịnh Quang Thi - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Cù Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HS, ngày 23 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy K, sinh năm 1999 tại tỉnh B; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu phố I, phường R, thành phố V, tỉnh B (nay là phường R, Thành phố H); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị H;

Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 13/6/2023 bị Công an thành phố V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 117/QĐ-XPHC số tiền 2.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản" đã đóng phạt; Ngày 24/7/2023 bị Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 141/2023/QĐ-TA với thời hạn áp dụng là 15 tháng, đã chấp hành xong ngày 07/6/2024;

Nhân thân: Ngày 06/8/2019, bị Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu tuyên phạt 14 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo Bản án số

140/2019/HSST ngày 06/8/2019, chấp hành xong án phạt tù ngày 29/4/2020 và đã nộp án phí.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/4/2025 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực X, trại tạm giam số 01 Công an Thành phố H (bị cáo có mặt).

- *Bị hại:* Bà Phạm Thị P, sinh năm 1973; Địa chỉ: Xã B, Thành phố H (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Phường R, Thành phố H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 25/4/2025 Nguyễn Duy K điều khiển xe mô tô biển số 72L8 – 5872 từ rẫy của K địa chỉ ấp B, xã T, huyện X, tỉnh B (nay là xã B, Thành phố H) đến nhà bà Phạm Thị P địa chỉ ấp B, xã T, huyện X, tỉnh B (nay là xã B, Thành phố H) để trả tiền K thuê bà P hái ớt. Khi đến nhà bà P, K chạy xe vào sân nhà thấy không có người ở nhà, cửa nhà khoá ngoài, K gọi nhưng không thấy ai trả lời, K nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bà P. Lúc này K nhìn thấy camera trước cửa nhà nên chạy xe ra ngoài đường cúp cầu dao điện trước nhà bà P rồi đi bộ vào sân. Khi đến trước cửa nhà, K lấy một chặng ná bằng gỗ để đập ổ khoá cửa nhà bà P làm ổ khóa rơi ra, K mở cửa đi vào phòng ngủ thứ hai tìm trong quần áo thấy một xấp tiền gồm các mệnh giá 50.000 đồng, 100.000 đồng, 200.000 đồng, 500.000 đồng, K lấy tiền bỏ vào bóp da màu đen rồi cất vào túi quần. Sau khi trộm được tiền, K đi ra ngoài cổng thì gặp bà P đi về, K lấy 177.000 đồng trong bóp trả tiền công hái ớt cho bà P rồi bỏ bóp vào cốp xe đi về nhà K.

Khoảng 18 giờ ngày 25/4/2025 bà P phát hiện bị mất tiền nên đã đến Công an xã T (nay là Công an xã B) trình báo, khoảng 19 giờ cùng ngày Công an mời K đến trụ sở làm việc. Tại cơ quan Công an, K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên và tự nguyện giao nộp 01 bóp da màu đen bên trong có 04 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng, 12 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng, 13 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng, 06 tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng. Tổng số tiền là 6.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Đối với số tiền 6.000.000 đồng; 01 Chặng ná bằng gỗ hình chữ Y, buộc giây cao su đen ở hai đầu; 01 Ổ khoá bằng kim loại, màu vàng – trắng, con in chữ "VIỆT – TIỆP" hiện cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho chủ sở hữu là bà Phạm Thị P.

Đối với 01 xe mô tô biển số 72L8-5872 hiệu Honda loại Lead và một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 015722 mang tên Nguyễn Thị H. Qua xác minh xe mô tô trên do bà Nguyễn Thị H (mẹ của K) làm chủ sở hữu, bà H cho K mượn để làm phương tiện đi lại, ngày 25/4/2025 K dùng xe làm phương tiện tẩu thoát sau khi trộm cắp tài sản của bà P thì bà H không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà H.

Đối với 01 bóp da màu đen của bị cáo K, được bị cáo sử dụng để bỏ số tiền trộm cắp hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh chờ xử lý.

Đối với 01 USB chứa đoạn video ghi lại cảnh bị cáo K trước khi thực hiện hành vi trộm cắp được niêm phong kèm theo hồ sơ vụ án.

Trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị P đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo K phải bồi thường trách nhiệm dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKSKV14 ngày 14/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Duy K về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Duy K về tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Duy K từ 10 (mười) đến 16 (mười sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Duy K đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Duy K thừa nhận: Ngày 25/4/2025 Nguyễn Duy K lấy một chặng ná bằng gỗ để đập ổ khoá cửa nhà bà P sau đó đột nhập vào nhà bà P tại địa chỉ ấp B, xã T, huyện X, tỉnh B (nay là xã B, Thành phố H), lén lút trộm cắp được số tiền 6.000.000 đồng, K lấy tiền bỏ vào bóp da màu đen rồi cất vào túi quần. Sau khi trộm được tiền, K đi ra ngoài cổng thì gặp bà P đi về, K lấy 177.000 đồng trong bóp trả tiền công hai ớt cho bà P rồi bỏ bóp vào cốp xe đi về nhà K.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vì vậy, Cáo trạng số: 12/CT-VKS-CĐ ngày 14/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Duy K về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Nguyễn Duy K là công dân đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. Nhưng bị cáo coi thường pháp luật và các chuẩn mực đạo đức xã hội nên đã dấn thân vào con đường phạm tội. Chỉ vì tham lam tư lợi, nên bị cáo đã phạm tội. Hành vi trộm cắp tài sản của của bị cáo đối với bị hại được bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, với động cơ, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu sài cá nhân là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà còn gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải có bản án nghiêm khắc đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, giáo dục, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Căn cứ quyết định hình phạt: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 50 Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự khác đối với bị cáo để quyết định cho Nguyễn Duy K một mức hình phạt phù hợp.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Như vậy, cần áp dụng điểm s

khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Tiền sự, nhân thân: Bị cáo có 02 tiền sự, bị cáo là người có nhân thân xấu đã từng bị kết án, từng nghiện ma tuý và bị xử phạt vi phạm hành chính, Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[5] Hình phạt áp dụng: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình, xã hội và bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Xét bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 6.000.000 đồng; 01 Chặng ná bằng gỗ hình chữ Y, buộc giây cao su đen ở hai đầu; 01 Ổ khoá bằng kim loại, màu vàng – trắng, con in chữ "VIỆT – TIỆP" hiện cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho chủ sở hữu là bà Phạm Thị P; Đối với 01 xe mô tô biển số 72L8-5872 hiệu Honda loại Lead và một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 015722 mang tên Nguyễn Thị H. Qua xác minh xe mô tô trên do bà Nguyễn Thị H (mẹ của K) làm chủ sở hữu, bà H cho K mượn để làm phương tiện đi lại, ngày 25/4/2025 K dùng xe làm phương tiện tẩu thoát sau khi trộm cắp tài sản của bà P thì bà H không biết nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà H là phù hợp.

Đối với 01 bóp da màu đen của bị cáo K, được bị cáo sử dụng để bỏ số tiền trộm cắp, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với 01 USB chứa đoạn video ghi lại cảnh bị cáo K trước khi thực hiện hành vi trộm cắp, nhận thấy cần tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án USB nêu trên.

[7] Trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị P đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo K phải bồi thường về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Duy K phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 30-4-2025 (ngày ba mươi, tháng tư, năm hai ngàn không trăm hai mươi lăm). Tiếp tục tạm giam Nguyễn Duy K để bảo đảm thi hành án.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy đối với 01 bóp da màu đen (Vật chứng hiện Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 7 năm 2025).

Xử lý dữ liệu điện tử thu thập được: Tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án 01 USB chứa đoạn video ghi lại cảnh bị cáo K trước khi thực hiện hành vi trộm cắp.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Duy K phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/8/2025). Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND cùng cấp;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Tiến